TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 21-9-2017
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Truyền
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Văn Rô
2. Ông Đoàn Bữu Lộc

- Thư ký phiên tòa: Ông Trầm Việt Cường - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2017/QĐXX-ST ngày 07 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hà Thị H sinh năm 1978; có mặt
Địa chỉ: Ấp 15, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.
2. Bị đơn: Ông Bùi Văn N sinh năm 1975; có đơn xét xử vắng mặt
Địa chỉ: Ấp 17, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20-6-2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà H trình bày: bà và ông N tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L năm 2002. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân đến nay.

Tại phiên tòa bà H giữ y yêu cầu ly hôn ông N với lý do: trong thời gian sống chung vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nên không thể sống chung, xuất phát từ việc ông N không quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng, hàng ngày uống rượu say bỏ mặt vợ con, từ đó vợ chồng không còn tình cảm và đã ly thân thời gian dài, trong thời gian sống ly thân vợ chồng có bàn bạc về sống chung nhưng vẫn không đoàn tụ được; nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được nên cương quyết xin ly hôn ông N. Vợ chồng có 03

người con chung Bùi Trung N sinh năm 1997, Bùi Trung T sinh ngày 16-3-2003 và Bùi Hải Đ sinh ngày 08-10-2004, nay yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T và cháu Đ còn cháu N đã trưởng thành, tự lo cho cuộc sống riêng nên không yêu cầu giải quyết; vấn đề cấp dưỡng đã được Tòa án giải thích quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng bà không yêu cầu giải quyết. Về tài sản bà không yêu cầu giải quyết, còn nợ chung không có.

Tại biên bản ghi lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn ông N trình bày: ông và bà H tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng sống chung đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn, do thời gian làm thợ hồ ông thường xuyên uống rượu cùng bạn bè, không chăm lo cho cuộc sống của gia đình và sống ly thân đến nay, hiện tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng đoàn tụ nhưng hiện tại không đồng ý ly hôn để cho con học và có công việc ổn định. Về con chung xét theo nguyện vọng của con nếu con theo ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng. Về tài sản không yêu cầu giải quyết, còn nợ chung không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ và đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ theo trình tự, thủ tục; quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn và cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ về nguyên tắc cơ bản khi giải quyết vụ án, thành phần Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc bị thay đổi theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: mâu thuẫn giữa bà H và ông N là trầm trọng, vợ chồng sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu xin ly hôn của bà H là có căn cứ. Hai con chung chưa thành niên có nguyện vọng xin sống với bà Hồng, do đó bà Hồng yêu cầu được nuôi cháu T và cháu Đ là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy đơn khởi kiện của bà H có nội dung yêu cầu ly hôn, nuôi con. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông N cư trú tại ấp 17, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

[3] Về vắng mặt đương sự: Bị đơn ông N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[4] Về hôn nhân: bà H và ông N tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã L theo quy định pháp luật, do đó hôn nhân giữa bà H và ông N là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn giữa bà H và ông N xuất phát từ việc ông N không quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng và sống ly thân trong thời gian dài từ năm 2012 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng có bàn bạc về sống chung nhưng không đoàn tụ được. Tòa án triệu tập hòa giải nhiều lần nhưng ông N cố tình vắng mặt; tại phiên tòa hôm nay bà H cương quyết ly hôn ông N. Do đó mâu thuẫn giữa bà H và ông N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Từ cơ sở phân tích trên căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ly hôn giữa bà H và ông N

[5] Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy hai con chung tên Bùi Trung T sinh ngày 16-3-2003, Bùi Hải Đ sinh ngày 08-10-2004 bà H đang chăm sóc, nuôi dưỡng và hai con chung có nguyện vọng được ở với bà H; ông N vắng mặt và có ý kiến hai con có nguyện vọng theo ai người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng. Bà H có đủ điều kiện, chăm sóc nuôi dưỡng con chung và có yêu cầu nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng hai con chung. Từ cơ sở trên giao cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng Bùi Trung T sinh ngày 16-3-2003, Bùi Hải Đ sinh ngày 08-10-2004. Riêng con chung tên Bùi Trung N sinh năm 1997 đã trưởng thành và tự lo cho cuộc sống riêng bà H, ông N không có yêu cầu xem xét nên không xét đến.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích người không trực tiếp nuôi dưỡng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên bà H không có yêu cầu do đó không xét đến.

[7] Về tài sản: không yêu cầu nên không xét đến.

[8] Về nợ chung: Bà H và ông N trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hà Thị H. Cho ly hôn giữa bà Hà Thị H và ông Bùi Văn N.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà Hà Thị H. Giao con chung tên Bùi Trung T sinh ngày 16-3-2003 và Bùi Hải Đ sinh ngày 08-10-2004 cho bà Hà Thị H tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: không có yêu cầu giải quyết do đó không xét đến.

Không bên nào được ngăn cản việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

Vì lợi ích của con chưa thành niên khi cần thiết và có yêu cầu của các bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản: không yêu cầu giải quyết do đó không xét đến.

4. Về nợ chung: Bà Hà Thị H và ông Bùi Văn N khai không có và không yêu cầu giải quyết do đó không xét đến.

5. Về án phí: Buộc bà Hà Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Hà Thị H đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0012027 ngày 28-7-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Như vậy bà Hà Thị H đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*".

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- CCTHADS thị xã Duyên Hải;
- UBND xã, phường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Truyền